

Bản án số: 60/2024/DS - ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2024

*“V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng và
yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tạ Tất Hưng, bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng, và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (V). Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh P – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V1 (theo Giấy ủy quyền số: 57/UQ-VCB.PC ngày 01/2/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N), vắng mặt.

Bà Lê Thùy L – Trưởng phòng G, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V1 (Giấy ủy quyền số: 74/UQ-VPH-HCNS ngày 08/4/2024). Địa chỉ: Cùm K, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: 2.1 Ông Phùng Hữu D, sinh năm 1983, vắng mặt

2.2 Bà Mạc Thị H, sinh năm 1991, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N là bà Lê Thùy L trình bày:

Ngày 13/04/2023 V ký hợp đồng tín dụng số 23TT/CN-DB/KDTL 211 với ông Phùng Hữu D, bà Mạc Thị H với hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng. Mục

đích vay: kinh doanh hàng tổng hợp; lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân vốn vay; thời gian duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 13/4/2023. Sau khi giao kết hợp đồng tín dụng, V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/8/2023 V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 số tiền 1.100.000.000 đồng theo tài khoản vay số 1039712359; lãi suất 8,5%/01 năm; mục đích thanh toán tiền mua hàng; ngày đến hạn thanh toán là 27/12/2023.

Ngày 28/12/2023 ông bà Dũng H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất là 12,75%/01 năm, lãi suất chậm trả là 10%/01 năm.

Ngày 11/9/2024 ông bà Dũng H1 đã trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 25/9/2024 ông bà Dũng H1 còn nợ số tiền là: 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 75.908.223, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng. Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng.

Lần 2: Ngày 11/9/2023 V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 số tiền 400.000.000 đồng theo tài khoản vay số 1040776841; lãi suất 8%/01 năm; mục đích thanh toán tiền mua hàng; ngày đến hạn thanh toán là 08/03/2024.

Ngày 28/12/2023 ông bà Dũng H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của khoản vay 1.100.000.000 đồng, nên từ ngày 09/3/2024 khoản vay này cũng chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất áp dụng là 12%/01 năm, lãi suất chậm trả là 10%/01 năm.

Tính đến hết ngày 25/9/2024 ông bà Dũng H1 còn nợ số tiền là: 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng. Tổng cộng là 435.561.311 đồng.

Cả hai khoản vay nêu trên, tính đến hết ngày 25/9/2024 ông D, bà H1 còn nợ là: 1.400.000.000 đồng tiền gốc; 148.312.645 đồng tiền lãi (trong hạn là 101.971.855 đồng, quá hạn là 42.679.452 đồng, chậm trả là 3.661.338 đồng).

V đã nhiều lần đôn đốc về việc trả nợ, ông D và bà H1 đã nhiều lần cam kết trả nợ, cam kết tự bán tài sản để trả nợ nhưng đến nay vẫn cố tình chây ỳ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, V và ông bà D, H1 đã giao kết hợp đồng thế chấp số: 18TT/BDS/095 ngày 25/6/2024 theo đó: Ông bà Dũng H1 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 74,9m²; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 04/6/2024 thì hiện nay, diện tích đất thực tế sử dụng là 72,9m², giảm 02 m² so với GCNQSDĐ, nhưng V không có ý

kiến thức mắc gì. Đề nghị sử dụng diện tích thực tế là 72,9m² để giải quyết vụ án.

V khởi kiện và yêu cầu:

- Buộc vợ chồng ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải liên đới trả cho V số tiền còn nợ, tính đến hết ngày 25/9/2024 là: 1.400.000.000 đồng tiền gốc; 148.312.645 đồng tiền lãi, trong đó:

+ Khoản vay 1: Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng, trong đó: 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 75.908.223, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12,75%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

+ Khoản vay 2: Tổng cộng là 435.561.311 đồng, trong đó: 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12 %/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

- Trong trường hợp ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H không trả được nợ, đề nghị Tòa tuyên buộc xử lý phát mại tài sản để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là: thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 72,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D.

Nếu sau khi xử lý phát mại tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho Ngân H2, đề nghị tòa tuyên buộc ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H dùng các nguồn tiền khác để trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

- Về chi phí tố tụng: V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc diện tích đất thế chấp; không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Kết quả xem xét thẩm định; xác minh:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024 thể hiện thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 72,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D. Diện tích đất nêu trên so với GCNQSDĐ giảm 02m².

Xác minh thể hiện: Thửa đất được sử dụng lâu dài, không có tranh chấp với các hộ liền kề; ranh giới với các thửa đất được xác lập bằng các công trình xây dựng nhà tầng kiên cố. Bản thân các bên đương sự cũng không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Phùng Hữu D, bà Mạc Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, thời hạn cho vay, tài sản đảm bảo, số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn đã trả, số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn chưa trả như đại diện Ngân hàng trình bày (tính đến ngày 27/8/2024 – phiên hòa giải tại Tòa án) là đúng, không bổ sung gì thêm.

Nay Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường tuyên buộc ông bà phải trả nợ tiền gốc, tiền lãi và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Quan điểm của vợ chồng ông bà: đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được khoan lại khoản tiền gốc và lãi hiện đang còn nợ Ngân hàng để ông bà thu xếp trả dần cho Ngân hàng. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, vợ chồng ông bà một mình nuôi ba con, trong đó có 01 cháu tự kỷ. Trong gia đình, có em trai đang bị bệnh hiểm nghèo, bị bệnh máu trắng, phải điều trị tích cực để duy trì sức khỏe. Vợ chồng ông bà đang làm kinh doanh nhà hàng, khoản thu của hai vợ chồng sau khi trừ đi các chi phí chỉ được 15.000.000đ/tháng.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và các bên đương sự về cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bị đơn là ông D, bà H chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 325, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Buộc vợ chồng ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải liên đới trả cho V số tiền còn nợ, tính đến hết ngày 25/9/2024 là: 1.400.000.000 đồng tiền gốc; 148.312.645 đồng tiền lãi, trong đó:

+ Khoản vay 1: Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng, trong đó: 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 75.908.223, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12,75%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

+ Khoản vay 2: Tổng cộng là 435.561.311 đồng, trong đó: 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12 %/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

- Trong trường hợp ông D và bà H không trả được nợ, đề nghị Tòa tuyên buộc xử lý phát mại tài sản thế chấp là: thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 72,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D.

Nếu sau khi xử lý phát mại tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho Ngân H2, thì ông bà Dũng H1 phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

- Về chi phí tố tụng: V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc diện tích đất thế chấp; không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: V khởi kiện ông D, bà H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm; bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Y. Theo các quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Bị đơn là ông D, bà H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, giữa các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về phần lớn nội dung vụ án, cụ thể như sau:

2.1. Ngày 13/04/2023 V ký hợp đồng tín dụng số 23TT/CN-DB/KDTL 211 với ông Phùng Hữu D, bà Mạc Thị H với hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng. Mục đích vay: kinh doanh hàng tổng hợp; lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân vốn vay; thời gian duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 13/4/2023. Sau khi giao kết hợp đồng tín dụng, V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/8/2023 V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 số tiền 1.100.000.000 đồng theo tài khoản vay số 1039712359; lãi suất 8,5%/01 năm; mục đích thanh toán tiền mua hàng; ngày đến hạn thanh toán là 27/12/2023.

Ngày 28/12/2023 ông bà Dũng H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất là 12,75%/01 năm, lãi suất chậm trả là 10%/01 năm.

Ngày 11/9/2024 ông bà Dũng H1 đã trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 25/9/2024 ông bà Dũng H1 còn nợ số tiền là: 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 75.908.223, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng. Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng.

Lần 2: Ngày 11/9/2023 V đã giải ngân cho ông bà Dũng H1 số tiền 400.000.000 đồng theo tài khoản vay số 1040776841; lãi suất 8%/01 năm; mục đích thanh toán tiền mua hàng; ngày đến hạn thanh toán là 08/03/2024.

Ngày 28/12/2023 ông bà Dũng H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của khoản vay 1.100.000.000 đồng, nên từ ngày 09/3/2024 khoản vay này cũng chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất áp dụng là 12%/01 năm, lãi suất chậm trả là 10%/01 năm.

Tính đến hết ngày 25/9/2024 ông bà Dũng H1 còn nợ số tiền là: 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng. Tổng cộng là 435.561.311 đồng.

Cả hai khoản vay: Tính đến hết ngày 25/9/2024 ông D, bà H1 còn nợ V là: 1.400.000.000 đồng tiền gốc; 148.312.645 đồng tiền lãi (trong hạn là 101.971.855 đồng, quá hạn là 42.679.452 đồng, chậm trả là 3.661.338 đồng). Hiện lãi suất của cả hai khoản vay là 12,75% và 12%/01 năm/dư nợ gốc, lãi chậm trả là 10%/01 năm/dư nợ lãi.

* Mặc dù thống nhất với nhau được về việc các bên đã giao kết hợp đồng tín dụng, số tiền còn nợ, lãi suất áp dụng. Nhưng các bên không thỏa thuận được lộ trình trả nợ, theo đó: ông bà Dũng H1 xin gia hạn thời gian trả nợ, do gia đình lâm vào hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Đại diện V không đồng ý, yêu cầu thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ.

2.2 Quan hệ bảo đảm tiền vay:

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, V và ông bà D, H1 đã giao kết hợp đồng thế chấp số: 18TT/BDS/095 ngày 25/6/2024 theo đó: Ông bà Dũng H1 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 74,9m²; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 04/6/2024 thì hiện nay, diện tích đất thực tế sử dụng là 72,9m², giảm 02m² so với GCNQSDĐ. Nhưng đây là diện tích thực tế, được sử dụng và không có tranh chấp, khiếu nại với ai; ranh giới với các thửa đất liền kề được xác lập bằng các công trình xây dựng kiên cố;

đại diện V không có ý kiến thắc mắc gì. Do vậy, HĐXX sử dụng diện tích thực tế là 72,9m² để giải quyết vụ án.

2.3. Xét việc vợ chồng ông D, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng tới việc thu hồi vốn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Cần buộc vợ chồng ông D, bà H1 phải:

- Trả cho V số tiền: 1.400.000.000 đồng tiền gốc; 148.312.645 đồng tiền lãi, trong đó:

+ Khoản vay 1: Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng, trong đó: 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 75.908.223, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12,75%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

+ Khoản vay 2: Tổng cộng là 435.561.311 đồng, trong đó: 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12 %/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

- Trường hợp Ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản bảo đảm là: thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 72,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng. GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D

Trường hợp sau xử lý tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ gốc, lãi, phí, chi phí khác cho Ngân hàng TMCP N thì ông D và bà H có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi xong toàn bộ nghĩa vụ

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải liên đới trả cho V số tiền 1.548.312.645 đồng nên phải chịu án phí sơ thẩm là 58.449.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc diện tích đất thế chấp. V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng, giải quyết nội dung vụ án là phù hợp, được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 325, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N (V) về việc buộc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm.

1. Buộc ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải liên đới thanh toán, trả cho V tổng số tiền 1.548.312.645 đồng, trong đó: tiền gốc là 1.400.000.000 đồng; tiền lãi là 148.312.645 đồng (tính đến hết ngày 25/9/2024). Cụ thể như sau:

+ Khoản vay 1: Tổng cộng là 1.112.751.334 đồng, trong đó: tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 75.908.223 đồng, lãi quá hạn là 34.117.808 đồng, lãi chậm trả là 2.725.303 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12,75%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

+ Khoản vay 2: Tổng cộng là 435.561.311 đồng, trong đó: tiền gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 26.063.632 đồng, lãi quá hạn là 8.561.644 đồng, lãi chậm trả là 936.035 đồng.

Từ ngày 26/9/2024 ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi cho V. Lãi suất là 12 %/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi.

2. Trường hợp vợ chồng ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản thế chấp gồm: thửa đất số 641 tờ bản đồ số 30, diện tích 72,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng); địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; GCNQSDĐ số CN 910047 Do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2018 mang tên ông Phùng Hữu D (có sơ đồ đất kèm theo).

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, ông D, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho V cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Hoàn trả V 29.318.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004882 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Buộc ông Phùng Hữu D và bà Mạc Thị H phải liên đới chịu nộp 58.449.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Tất Hưng – Nguyễn Thị Thanh Hương

Đỗ Thành Công

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự; người đại diện;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công